

Số: /QĐ-UBND

Duy Tiên, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Đề án xây dựng hạ tầng giáo dục, y tế thị xã, giai đoạn 2020-2030

ỦY BAN NHÂN DÂN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Kế hoạch số 1969/KH-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông giai đoạn 2019-2025;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam phê duyệt quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo Hà Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 3157/KH-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc thực hiện đề án Phát triển Giáo dục Mầm non giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới; Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Công văn số 2691/BYT-KH-TC ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Bộ Y tế về việc xây dựng đề án, kế hoạch hoạt động chi tiết thực hiện Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Duy Tiên lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng Y tế thị xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án xây dựng hạ tầng giáo dục, y tế thị xã giai đoạn 2020-2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND thị xã, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã, Trưởng phòng Y tế thị xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan của thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Hà Nam (để báo cáo);
- Sở GD&ĐT, Sở Y tế (để phối hợp);
- TT Thị ủy, TT HĐND thị xã (để báo cáo);
- Lãnh đạo UBND thị xã (để chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, GD&ĐT, YT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ
CHỦ TỊCH**

Ngô Văn Liên

Số: / ĐA-UBND

Duy Tiên, ngày tháng năm 2021

ĐỀ ÁN

Xây dựng hạ tầng giáo dục, y tế thị xã giai đoạn 2020-2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số:...../QĐ-UBND ngày....tháng.....năm 2021 của UBND thị xã Duy Tiên)

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong những năm gần đây, kinh tế- xã hội của thị xã Duy Tiên có bước phát triển mạnh mẽ. Ngành giáo dục và y tế phát triển mạnh đáp ứng mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân địa phương.

Hạ tầng cơ sở vật chất của ngành giáo dục và y tế được quan tâm đầu tư xây dựng; 100% các trường Mầm non, Tiểu học, THCS, TH&THCS, THPT trên địa bàn đều đạt chuẩn quốc gia, trong đó 94,2% số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; Các cơ sở y tế cơ bản đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trên địa bàn. Số trạm y tế xã, phường đạt chuẩn bộ tiêu chí quốc gia là 81,25%

Tuy nhiên, hạ tầng cơ sở vật chất của ngành giáo dục và y tế vẫn còn hạn chế, không đồng bộ. Nhiều công trình do xây dựng lâu năm nên đã xuống cấp, có công trình do xây dựng nhiều giai đoạn nên còn thiếu đồng bộ; còn thiếu cơ sở vật chất do tăng dân số cơ học; nhiều công trình đã xây dựng đạt chuẩn và đang sử dụng, song do yêu cầu của cơ sở vật chất trong giai đoạn mới lại tiếp tục phải xây dựng bổ sung.

Để triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2020-2030 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã Duy Tiên lần thứ XXIV, đồng thời tạo điều kiện để thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới và nâng cao hơn nữa chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, Ủy ban nhân dân thị xã Duy Tiên xây dựng **“Đề án xây dựng hạ tầng Giáo dục và Y tế giai đoạn 2020-2030”**

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ Ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương

trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Kế hoạch số 1969/KH-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông giai đoạn 2019-2025;

- Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”; Kế hoạch số 1946/KH-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc Triển khai thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh;

- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;

- Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2013 của UBND tỉnh Hà Nam phê duyệt quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo Hà Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Kế hoạch số 3157/KH-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh Hà Nam về việc thực hiện đề án Phát triển GDMN giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới.

- Công văn số 2691/BYT-KH-TC ngày 22/5/2017 của Bộ Y tế về việc xây dựng đề án, kế hoạch hoạt động chi tiết thực hiện Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 18/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 26 tháng 6 năm 2020 Đại hội Đảng bộ thị xã Duy Tiên nhiệm kỳ 2020-2025.

III. PHẠM VI ĐỀ ÁN

- Xây dựng hạ tầng giáo dục, y tế thuộc địa bàn quản lý của thị xã Duy Tiên;
- Thời gian thực hiện Đề án giai đoạn 2020-2030.

Phần thứ Nhất THỰC TRẠNG HẠ TẦNG GIÁO DỤC, Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ

A. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I. VỀ HẠ TẦNG GIÁO DỤC

1. Hệ thống mạng lưới trường, lớp

Hệ thống mạng lưới trường, lớp từng bước được điều chỉnh phù hợp với quy hoạch phát triển.

Năm học 2019-2020 cấp học Mầm non có 18 trường (17 trường công lập, 1 trường tư thục)

- Tổng số nhóm lớp: 320 nhóm, lớp (Công lập: 280 nhóm, lớp; ngoài công lập: 40 nhóm, lớp)

- Tổng số trẻ: 9.954 trẻ (9404 trẻ công lập; 550 trẻ tư thục)

So với năm học 2015-2016:

+ Giảm 1 trường công lập do sáp nhập trường Mầm non Tiên Phong với Mầm non Châu Sơn thành trường Mầm non B Tiên Sơn, tăng 1 trường mầm non tư thục Totto-chan.

+ Tăng 18 nhóm, lớp; tăng 668 trẻ, tăng 4,83% trẻ ra lớp.

* Cấp Tiểu học có 18 trường công lập với 355 lớp, 11749 học sinh.

So với năm học 2015-2016, giảm 2 trường Tiểu học do trường TH xã Tiên Ngoại sáp nhập với trường THCS Tiên Ngoại thành trường liên cấp TH&THCS xã Tiên Ngoại; trường Tiểu học Tiên Phong sáp nhập với Tiểu học Châu Sơn thành trường Tiểu học B Tiên Sơn

+ Số học sinh tăng thêm: 2656 học sinh, tỷ lệ tăng 22,6%; số lớp tăng thêm 32 lớp.

* Cấp Trung học cơ sở có 16 trường; Số học sinh: 7246 học sinh; Số lớp: 193 lớp.

So với năm học 2015-2016, giảm 2 trường THCS do trường THCS xã Tiên Ngoại sáp nhập với trường TH Tiên Ngoại thành trường liên cấp TH&THCS xã Tiên Ngoại; Trường THCS Đọi Sơn sáp nhập với THCS Châu Sơn thành trường THCS xã Tiên Sơn.

Số học sinh THCS toàn thị xã tăng 1.550 HS, tỷ lệ tăng 12,6%; số lớp tăng 16 lớp.

Thị xã có 01 trường liên cấp Tiểu học và Trung học cơ sở xã Tiên Ngoại với quy mô 19 lớp (11 lớp TH và 8 lớp THCS) với tổng số học sinh 586 học sinh (359 học sinh TH và 227 học sinh THCS).

* Cấp Trung học phổ thông có 03 trường công lập với tổng số 70 lớp (THPT A Duy Tiên 27 lớp, THPT B Duy Tiên 26 lớp, THPT Nguyễn Hữu Tiến 17 lớp); Tổng số học sinh cấp THPT 3056 em (THPT A Duy Tiên 1199 học sinh, THPT B Duy Tiên 1126 học sinh, THPT Nguyễn Hữu Tiến 731 học sinh). So với năm học 2015-2016, tăng thêm 180 học sinh, số lớp tăng thêm 4 lớp.

* Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên có 14 lớp, 650 học viên. So với năm học 2015-2016, tăng thêm 251 học viên, số lớp tăng thêm 5 lớp.

* Toàn thị xã có 16 trung tâm học tập cộng đồng tổ chức được nhiều chuyên đề cho các học viên là cán bộ, viên chức, nhân dân trên địa bàn các xã, phường tham gia học tập nhằm nâng cao kiến thức về mọi mặt đáp ứng yêu cầu “Nâng cao dân trí” tại các địa phương và góp phần xây dựng xã hội học tập.

2. Hạ tầng cơ sở vật chất

Việc đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất trường học được thị xã và các xã, phường quan tâm, số lượng, chất lượng phòng học, phòng bộ môn giai đoạn 2015-2020 tăng mạnh. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn chung và tình hình dịch bệnh, việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trong 02 năm gần đây gặp nhiều khó khăn, tiến độ xây dựng chậm.

- Cấp học mầm non có 320 phòng học, đều là phòng học kiên cố. Tỷ lệ phòng học kiên cố/nhóm (lớp) đạt 100%. Số phòng phục vụ học tập 35 phòng; Phòng hành chính quản trị 97 phòng; có 48 bếp ăn, 375 nhà vệ sinh. Công trình phụ trợ có 17 phòng y tế, 8 sân khấu ngoài trời, 100% các cơ sở có sân, vườn, cổng hàng rào. Hiện nay, toàn thị xã không còn phòng học tạm, mượn. Các trường được đầu tư

xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo cơ sở vật chất trường chuẩn. 17/17 trường công lập đều đạt chuẩn quốc gia (trong đó 16/17 trường chuẩn mức 2, đạt tỷ lệ 94,12%).

- Cấp học tiểu học có 362 phòng học đều là phòng học kiên cố. Số phòng học bộ môn 107 phòng; Phòng chức năng 193 phòng; Có 3 nhà giáo dục thể chất; 2 nhà ăn bán trú; 59 công trình vệ sinh của giáo viên và học sinh. 100% các trường có tường bao, sân chơi bãi tập. Toàn thị xã không còn phòng học bán kiên cố, phòng học tạm, mượn. Các trường được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo cơ sở vật chất trường chuẩn (trong đó 17/18 trường chuẩn mức 2, đạt tỷ lệ 94,4%).

- Cấp học THCS có 211 phòng học đều là phòng học kiên cố. Số phòng học bộ môn 94 phòng; Phòng chức năng 147 phòng; 49 công trình vệ sinh của giáo viên và học sinh; 100% các trường có tường bao, sân chơi bãi tập. Toàn thị xã không còn phòng học bán kiên cố, phòng học tạm, mượn. 16/16 trường THCS đạt chuẩn quốc gia (trong đó 15/16 trường chuẩn mức 2, đạt tỷ lệ 93,75%).

Trường TH&THCS xã Tiên Ngoại có 19 phòng học, 7 phòng bộ môn và 13 phòng chức năng, 1 nhà tập đa năng. Tất cả công trình đều kiên cố. Cơ sở vật chất đảm bảo đạt chuẩn quốc gia mức độ 2

- Cấp học Trung học phổ thông: Nhìn chung, cơ sở vật chất cấp học Trung học phổ thông trong những năm gần đây được cải thiện đáng kể. Toàn bậc học có 78 phòng học (THPT A Duy Tiên 27 phòng, THPT B Duy Tiên 33 phòng, THPT Nguyễn Hữu Tiên 18 phòng), đều là phòng học kiên cố; Có 23 phòng bộ môn, 26 phòng chức năng, 2 nhà tập đa năng (THPT B Duy Tiên và THPT Nguyễn Hữu Tiên). Cả 3 trường THPT đều đạt chuẩn quốc gia.

Các nhà trường thuộc 4 cấp học đều đạt chuẩn quốc gia, nhưng hệ thống phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng nhiều đơn vị còn chưa đầy đủ, hoặc đã xây dựng nhiều năm nên xuống cấp; Số lượng nhà tập đa năng còn ít, các công trình phụ trợ, công trình vệ sinh còn thiếu hoặc xuống cấp.

-Trung tâm GDTX-GDNN có 09 phòng học văn hóa kiên cố trong đó 02 phòng học văn hóa là nhà cấp 4, 02 phòng học môn Vật lý, 04 phòng học lý thuyết nghề.

Công trình phụ trợ: 11 phòng chức năng, 01 nhà đa năng, hai nhà xưởng, 04 nhà vệ sinh. Còn 5 phòng cấp 4 (2 phòng học, 3 phòng chức năng).

Về quỹ đất dành cho đơn vị: hơn 9000m² ở hai địa điểm.

Cơ sở vật chất của Trung tâm GDTX-GDNN còn hạn chế, chưa đáp ứng tốt yêu cầu phục vụ cho dạy học văn hóa và dạy nghề cho học viên trên địa bàn.

* Phòng GD&ĐT có 17 phòng làm việc cá nhân, 03 phòng chức năng, 01 Hội trường và các công trình phụ trợ; Diện tích đất sử dụng là 1670m². Phòng GD&ĐT được xây dựng từ năm 1985 đến nay là 35 năm, đã qua 2 lần sửa chữa cải tạo, hiện nay nhiều hạng mục đã xuống cấp không đáp ứng nhu cầu sử dụng và đảm bảo an toàn. Hội trường nhỏ hẹp không đáp ứng nhu cầu sử dụng cho các hoạt động chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, giáo viên cấp thị xã.

-Về quy hoạch đất đai, các trường và cơ quan Phòng GD&ĐT đã có khuôn viên rõ ràng. Tuy nhiên, diện tích đất của đa số các đơn vị chưa đảm bảo đủ để xây dựng, quy hoạch các công trình đáp ứng tiêu chuẩn hiện hành và đáp ứng quy mô trường lớp giai đoạn 2020-2030.

II. VỀ HẠ TẦNG Y TẾ

1. Hệ thống mạng lưới y tế

Hệ thống mạng lưới y tế dần được bổ sung phù hợp với quy hoạch phát triển.

Toàn thị xã có 16 trạm y tế; Có 01 Phòng y tế và 01 Trung tâm y tế thị xã với tổng số 203 cán bộ, nhân viên y tế. Tỷ lệ đạt chuẩn quốc gia về y tế xã là 81,25%.

2. Hạ tầng cơ sở vật chất

2.1. Tiêu chuẩn y tế của cấp thị xã theo tiêu chuẩn đô thị loại III, cấp phường, xã thuộc thị xã

Căn cứ vào các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Nghị quyết phân loại đô thị loại III. Thực tế trên địa bàn thị xã Duy Tiên về cơ sở hạ tầng của Trạm y tế theo dân số hiện tại và theo cách tính trong Nghị quyết tại một số phường đang chỉ có 1 điểm trạm do vậy vẫn còn thiếu. Cụ thể:

TT	Tên xã/phường	Dân số	Theo NQ 1210 (≥ 5.000 người/Trạm)	Số Trạm hiện có	Nhu cầu cần thêm (điểm trạm)
1	Hòa Mạc	8.127	1,6	1	1
2	Đồng Văn	9.287	1,9	1	1
3	Duy Minh	7.207	1,5	1	1
4	Duy Hải	6.363	1,3	1	1
5	Bạch Thượng	10.227	2	1	1
6	Mộc Bắc	6.894	1,4	1	1
7	Mộc Nam	4.331	1	1	0
8	Châu Giang	15.907	3,1	1	2
9	Chuyên Ngoại	9.664	1,9	1	1
10	Trác Văn	9.116	1,8	1	1
11	Yên Bắc	9.377	1,9	1	1
12	Yên Nam	8.592	1,7	1	1
13	Hoàng Đông	9.389	1,9	1	1
14	Tiên Nội	7.493	1,5	1	1
15	Tiên Ngoại	4.999	1	1	0
16	Tiên Sơn	12.397	2,5	1	2

* Ghi chú: Dân số tính theo số liệu của Chi cục thống kê thị xã đến hết 30/6/2020

2.2. Đánh giá thực trạng hệ thống hạ tầng y tế từ thị xã đến phường, xã về diện tích đất, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế...

* Phòng Y tế thị xã : Là cơ quan tham mưu quản lý Nhà nước về Y tế nằm trong Trung tâm hành chính công của UBND thị xã. Hiện tại có 02 phòng làm việc, trang thiết bị phục vụ cho đoàn kiểm tra về y tế chưa có, an toàn thực phẩm còn hạn chế về số lượng và chất lượng.

* Trung tâm Y tế thị xã

- Có khuôn viên làm việc riêng có nhà xây kiên cố, chắc chắn, đảm bảo an toàn với tổng diện tích đất hiện tại là 45.805m² với 100 giường bệnh theo kế hoạch, 147 giường bệnh thực kê và 202 phòng chức năng, hành chính, công trình phụ trợ. Hiện nay, đang xây dựng hoàn thiện các khu nhà hành chính và các khu vực phụ cận khác.

- Trung tâm đã được trang bị một số trang thiết bị y tế chuyên dụng như: máy điện tim, máy siêu âm màu Doppler 4D, máy siêu âm điều trị, máy huyết học tự động, máy tạo oxy di động, máy X-Quang kỹ thuật số, đèn soi đáy mắt, Monitor theo dõi bệnh nhân, bơm tiêm điện và một số trang thiết bị khác.

* Trạm Y tế xã, phường

- Được sự quan tâm của Chính quyền địa phương và từ các nguồn vốn hợp pháp khác nhìn chung về cơ bản cơ sở vật chất đã được xây dựng kiên cố, chắc chắn với quỹ đất tương đối đảm bảo theo nhu cầu của trạm. Tổng số giường bệnh được giao theo kế hoạch là 118 giường/16 xã, phường. Các trạm y tế xã, phường có 182 phòng chức năng, 21 phòng hành chính quản trị và 25 công trình phụ trợ.

- Trang thiết bị y tế trang thiết bị tại Trạm y tế đã tương đối đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao và nhu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân tại địa phương.

Về quy hoạch đất đai, trạm y tế các xã, phường và Trung tâm y tế thị xã đã có khuôn viên riêng biệt; Phòng y tế thị xã nằm trong Trung tâm hành chính của UBND thị xã. Tuy nhiên, diện tích đất của nhiều trạm y tế và Trung tâm y tế thị xã chưa đảm bảo đủ để xây dựng, quy hoạch các công trình đáp ứng tiêu chuẩn hiện hành và đáp ứng quy hoạch giai đoạn 2020-2030.

B. ĐÁNH GIÁ CHUNG

I. Những kết quả đạt được

Cấp ủy, chính quyền từ thị xã đến các cơ sở đều quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục và y tế. Việc phát triển trường lớp, hệ thống cơ sở y tế gắn việc xây dựng nông thôn mới và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thị xã, hạ tầng giáo dục, y tế được quan tâm đầu tư, xây mới, sửa chữa nâng cấp. Các cơ sở giáo dục, y tế đã chủ động đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực để cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị được quan tâm đầu tư ngày một khang trang, hiện đại, đáp ứng ngày một tốt hơn yêu cầu học tập của học sinh và khám chữa bệnh của nhân dân trên địa bàn.

II. Tồn tại, hạn chế

- Một số địa phương chưa có quy hoạch đảm bảo đủ diện tích cho các cơ sở giáo dục, y tế trên địa bàn. Tiến độ giao đất, công tác đầu tư cơ sở vật chất để xây dựng điểm trường phục vụ con em công nhân khu công nghiệp Đồng Văn còn chậm.

- Nhiều hạng mục cơ sở vật chất của các nhà trường hiện có (các phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng,...) được xây dựng theo tiêu chuẩn cũ, diện tích nhỏ hẹp, thiếu số lượng, chủng loại, chưa đáp ứng được tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 và Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Diện tích đất hiện có của một số trường không đủ theo quy định.

- Các Trung tâm học tập cộng đồng chưa có trụ sở riêng, kinh phí, cơ sở vật chất trang thiết bị dành cho các trung tâm còn hạn chế.

- Công tác huy động vốn xây dựng hệ thống hạ tầng ngành giáo dục còn hạn chế, không đồng bộ, nhiều địa phương không tự cân đối được kinh phí.

- Cơ sở vật chất của ngành y tế còn hạn chế và bị xuống cấp, trang thiết bị y tế còn nghèo nàn, chưa có nhiều trang thiết bị hiện đại phục vụ cho khám chữa bệnh.

III. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

1. Nguyên nhân khách quan

- Sự khó khăn chung của kinh tế thế giới, khu vực, cả nước và của tỉnh trong giai đoạn vừa qua đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc huy động nguồn lực đầu tư xây dựng hạ tầng cho ngành giáo dục và y tế trên địa bàn thị xã.

- Địa bàn có nhiều khu, cụm công nghiệp, số lượng dân số và số lượng học sinh cơ học tăng nhanh, quy hoạch xây dựng hạ tầng cơ sở vật chất cho ngành giáo dục, y tế của các địa phương không theo kịp với tốc độ tăng dân số.

- Một số văn bản yêu cầu về cơ sở vật chất đối với các nhà trường của các cấp học mới được ban hành. Nhiều hạng mục cơ sở vật chất hiện có của các nhà trường không còn phù hợp với tiêu chuẩn mới và yêu cầu đổi mới giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2. Nguyên nhân chủ quan

- Một số địa phương còn chưa chủ động trong việc quy hoạch quỹ đất và tìm các nguồn lực đầu tư xây dựng hạ tầng cho giáo dục, y tế.

- Năng lực tham mưu đề quy hoạch quỹ đất cũng như xây dựng hạ tầng cơ sở vật chất của một số cán bộ quản lý nhà trường còn hạn chế.

- Thủ tục pháp lý để giao đất khu đô thị Star chưa đầy đủ dẫn đến tiến độ giao đất tại khu Đô thị Star- Đồng Văn còn chậm.

- Kinh phí dành cho công tác quản lý nhà nước về y tế, giáo dục và xây dựng cơ bản còn hạn hẹp.

Phần thứ Hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Trong 10 năm tới, do sự thu hút về địa bàn đã trở thành thị xã và tiếp tục được đầu tư hạ tầng để trở thành đô thị loại III; Trên địa bàn phát triển mạnh về công nghiệp và dịch vụ sẽ thu hút một lượng lớn người dân từ các địa phương khác đến sinh sống, kinh doanh dịch vụ; Lao động từ các địa phương về làm việc tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn. Dân số cơ học tăng nhanh kéo theo hạ tầng giáo dục và y tế cũng cần tiếp tục được đầu tư, xây dựng nâng cấp để đáp ứng đủ nhu cầu học tập của học sinh và khám chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn. Mặt khác yêu cầu về hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành Giáo dục và ngành y tế trong giai đoạn 10 năm tới ngày càng cao để đáp ứng việc dạy học và khám chữa bệnh trong giai đoạn tới đòi hỏi sự đầu tư rất lớn về hạ tầng cũng như cơ sở vật chất kỹ thuật.

Cụ thể: Đến 2030 tăng 378 lớp (171 nhóm, lớp cấp học mầm non, 102 lớp TH, 105 lớp THCS). Số học sinh tăng thêm 12.802 (4448 trẻ MN, 3373 HS Tiểu học và 4981 học sinh THCS)

Cấp THPT tăng 33 lớp (13 lớp của trường THPT A Duy Tiên, 12 lớp của trường THPT B Duy Tiên, 8 lớp của trường THPT Nguyễn Hữu Tiến); Tăng 1579 học sinh (THPT A Duy Tiên tăng 601 học sinh, THPT B Duy Tiên tăng 584 học sinh, THPT Nguyễn Hữu Tiến tăng 394 học sinh)

Trung tâm GDNN- GDTX tăng 16 lớp, 850 học viên.

Nhu cầu khám chữa bệnh tăng nên cần bổ sung thêm 92 cán bộ, nhân viên y tế: các xã, phường tăng thêm 30 người; phòng y tế thị xã tăng 2 người; Trung tâm y tế thị xã tăng 60 người.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Củng cố, phát triển mạng lưới trường, lớp các cấp học phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu dạy – học của ngành giáo dục theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế.

- Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, đảm bảo nhân lực cho Trung tâm y tế tuyến thị xã cũng như tuyến xã, phường đủ điều kiện thực hiện được nhiều kỹ thuật theo phân tuyến và một số kỹ thuật tuyến trên. Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng về loại hình dịch vụ y tế với chất lượng cao phục vụ công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể

- Huy động các nguồn lực trong xã hội, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các trường, lớp theo hướng đồng bộ, hiện đại. Tiếp tục thực hiện mục tiêu kiên cố hóa, hiện đại hóa trường học, lớp học; đề xuất có cơ chế, chính sách hỗ trợ để xây dựng trường học đảm bảo quy định theo Điều lệ trường của từng cấp học.

- Về cơ sở vật chất, trường lớp: Cơ sở vật chất, trường lớp các cấp học được xây dựng theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/nhóm lớp, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%; 100% các trường thuộc 4 cấp học có đủ phòng bộ môn, phòng chức năng, công trình vệ sinh, các công trình phụ trợ đảm bảo theo quy định. Nâng tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 của các cấp học đạt 100% vào năm 2025.

- 100% trường Mầm non được xây dựng quy hoạch sân vườn, khu vui chơi phát triển vận động, khu chợ quê, vườn cổ tích, khu chơi với cát, nước; 100% các trường tiểu học trên địa bàn có khu bán trú cho học sinh.

- 100% nhà vệ sinh trường học được xây dựng theo đúng quy chuẩn, sạch sẽ, hợp vệ sinh.

- Tiếp tục thực hiện thành công các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; tăng cường quản lý chất lượng an toàn thực phẩm. Củng cố hệ thống mạng lưới y tế cơ sở; mở rộng xã hội hóa về y tế, từng bước nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân; Tỷ lệ các hộ sử dụng nước sạch đạt 100%; Tỷ lệ các hộ gia đình sử dụng ba công trình vệ sinh đạt tối thiểu 95%.

III. NHIỆM VỤ

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành quán triệt, triển khai, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả nội dung Đề án.

- Chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, UBND các xã, phường tập trung thực hiện các nhiệm vụ đã phân công trong Đề án.

2. Công tác tuyên truyền

- Đẩy mạnh công tác truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân trên địa bàn nắm được nội dung của Đề án, từ đó tạo ra sự đồng thuận trong việc thực hiện các mục tiêu của Đề án.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan có liên quan, chịu trách nhiệm trước cấp trên trong tổ chức, chỉ đạo thực hiện Đề án.

3. Hoàn thiện hệ thống hạ tầng giáo dục và y tế theo kế hoạch

- Hoàn thiện xây dựng quỹ đất đảm bảo cho các đơn vị sử dụng hiện tại và đáp ứng nhu cầu xây dựng khi tăng số lớp, số học sinh, tăng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân của giai đoạn tiếp theo.

- Rà soát sửa chữa các hạng mục cơ sở vật chất hư hỏng xuống cấp qua thời gian sử dụng.

- Xây dựng các công trình thay thế cho các công trình không đảm bảo đủ tiêu chuẩn hiện hành, các công trình hết niên hạn sử dụng.

- Xây mới các phòng học, phòng chức năng, nhà tập đa năng, khu bán trú, các công trình phụ trợ đối với ngành giáo dục; Các phòng chức năng, phòng hành chính quản trị, công trình phụ trợ đối với ngành y tế theo nhu cầu tăng thêm của các cơ sở giáo dục, y tế trên địa bàn.

- Bổ sung đủ các trang thiết bị phục vụ nhu cầu dạy – học theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới của ngành giáo dục và phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của ngành y tế.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện quản lý trang thiết bị y tế; tổ chức kiểm tra việc chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật về trang thiết bị y tế. Trung tâm y tế có kế hoạch bổ sung các trang thiết bị tiên tiến trong khám bệnh chữa bệnh từ nguồn kinh phí của ngành và từ nguồn kinh phí hợp pháp khác.

4. Về nguồn lực tài chính và cơ chế chính sách

- Tranh thủ các nguồn ngân sách hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn hỗ trợ khác.

- Hàng năm bố trí phân bổ kinh phí sự nghiệp giáo dục, y tế đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

- Đề nghị tỉnh hỗ trợ theo các Chương trình, Đề án của UBND tỉnh.

- Huy động xã hội hóa trong việc đầu tư xây dựng hạ tầng giáo dục, y tế; Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho lĩnh vực giáo dục và y tế.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về công tác quy hoạch

Các địa phương sớm hoàn thiện mạng lưới trường, lớp, cơ sở y tế theo quy hoạch đã được phê duyệt, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả đầu tư. Các cơ sở giáo dục, y tế cần tham mưu với địa phương xây dựng và phê duyệt quy hoạch mặt bằng tổng thể khuôn viên trường, trạm, trung tâm y tế...đảm bảo các công trình được đầu tư xây dựng đúng quy hoạch, tránh việc đầu tư manh mún, chắp vá, không đồng bộ.

2. Giải pháp huy động và sử dụng nguồn lực xây dựng hạ tầng đến năm 2030

- Tích cực vận động, thu hút các nguồn kinh phí đầu tư từ các chương trình, dự án; tranh thủ tối đa các nguồn viện trợ và các nguồn hợp pháp khác. Tham mưu tiếp tục triển khai Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học, cơ sở y tế trong giai đoạn từ nay đến năm 2030. Thực hiện tốt việc lồng ghép các chương trình, dự án, các nguồn vốn hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước.

- Trong việc phân bổ các nguồn kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cần quan tâm nhiều hơn đến đầu tư cho giáo dục, y tế..

- Tích cực huy động xã hội hóa giáo dục: huy động vốn đóng góp của tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng bảo dưỡng công trình kết cấu hạ tầng giáo dục, y tế theo

phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Công khai, minh bạch trong huy động đầu tư xã hội hóa giáo dục các tổ chức, cá nhân, tạo niềm tin trong xã hội.

- Sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn, dài hạn thay cho kế hoạch phân bổ vốn đầu tư hàng năm, trong đó ưu tiên cho những công trình trọng điểm, thiết yếu, cấp bách.

3. Giải pháp về tăng cường công tác quản lý nhà nước về xây dựng cơ sở hạ tầng giáo dục, y tế

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong công tác tham mưu chủ trương đầu tư, đảm bảo việc đầu tư đúng định hướng, đúng địa chỉ.

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra việc quản lý chất lượng các công trình xây dựng.

- Xây dựng và ban hành các quy định về phân công, phân cấp quản lý các công trình giáo dục, y tế phù hợp với đặc thù ngành giáo dục, y tế trên địa bàn thị xã Duy Tiên.

4. Giải pháp về công tác tuyên truyền

Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong xã hội để mọi người dân ủng hộ và chia sẻ trách nhiệm với nhà nước trong đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nói chung và của ngành giáo dục, y tế nói riêng.

V. NỘI DUNG XÂY DỰNG HẠ TẦNG GIÁO DỤC, Y TẾ VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Nội dung thực hiện

1.1. Đối với hạ tầng Giáo dục

- Quy hoạch quỹ đất tại 16 xã, phường đảm bảo nhu cầu các cơ sở giáo dục (theo phụ lục đính kèm).

- Xây dựng bổ sung 386 phòng học kiên cố (170 phòng cấp học mầm non, 108 phòng cấp TH, 108 phòng cấp THCS)

- Xây mới 421 phòng bộ môn, phòng phục vụ học tập (131 phòng bộ môn cấp THCS, 59 phòng bộ môn cấp TH, 231 phòng phục vụ học tập cấp MN); 442 phòng chức năng, phòng hành chính quản trị (107 phòng cấp THCS, 74 phòng cấp TH, 261 phòng cấp MN) và 37 nhà tập đa năng (THCS 14, TH 23) và 26 nhà ăn bán trú cho các trường Tiểu học, 10 nhà ăn bán trú cho các trường THCS, 8 bếp ăn cho các trường MN.

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị các phòng học, phòng bộ môn, phòng hành chính quản trị, ... (Bàn ghế, máy vi tính, tivi, máy in, máy chiếu vật thể, máy chiếu đa năng, dụng cụ đồ dùng đồ chơi, bể bơi di động, máy điều hòa, ...):

+ Trang thiết bị phòng học, phòng bộ môn: Bàn ghế 21.413 bộ (MN: 6546 bộ, TH: 4878 bộ, THCS: 9989 bộ), Máy vi tính 1803 bộ (MN: 490 bộ, TH: 436 bộ, THCS: 877 bộ), máy chiếu đa năng 817 (MN: 128, TH: 243, THCS: 446), máy chiếu vật thể 707 (MN: 49, TH: 222, THCS: 436), Tivi cấp học mầm non: 434, đồ dùng, đồ chơi: 412 bộ.

+ Trang thiết bị phòng hành chính quản trị: Bàn ghế 1382 bộ (MN: 937, TH: 143, THCS: 302), Máy vi tính 398 bộ (MN: 172 bộ, TH: 103 bộ, THCS: 123 bộ), máy in 359 (MN: 152, TH: 95, THCS: 112), điều hòa các lớp học, phòng chức năng 3216 (MN: 806, TH: 1354, THCS: 1056), bể bơi di động cho các trường TH, THCS 40 chiếc (TH: 23, THCS: 17).

- Cấp THPT xây mới 33 phòng học (THPT A Duy Tiên 13 phòng, THPT B Duy Tiên 12 phòng, THPT Nguyễn Hữu Tiến 8 phòng); 37 phòng bộ môn(THPT

A Duy Tiên 14 phòng, THPT B Duy Tiên 13 phòng, THPT Nguyễn Hữu Tiên 10 phòng); 20 phòng chức năng (THPT A Duy Tiên 7 phòng, THPT B Duy Tiên 7 phòng, THPT Nguyễn Hữu Tiên 6 phòng); xây thêm 01 nhà tập đa năng của trường THPT A Duy Tiên.

Trung tâm GDNN- GDTX xây mới 16 phòng học, 6 phòng bộ môn, 11 phòng chức năng, 2 nhà xưởng dành cho thực hành.

Chuyên cơ quan Phòng GD&ĐT ra địa điểm mới tại trung tâm hành chính mới của thị xã (phường Yên Bắc); Quy hoạch quỹ đất và xây dựng các phòng làm việc, phòng chức năng, công trình phụ trợ đảm bảo cho 18 vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Phòng GD&ĐT và các hoạt động họp triển khai nhiệm vụ và sinh hoạt chuyên môn toàn ngành.

1.2. Đối với hạ tầng y tế

* Phòng Y tế thị xã : Theo nhu cầu phòng Y tế cần bổ sung thêm 04 phòng làm việc và một số trang thiết bị phục vụ cho đoàn kiểm tra về công tác y tế, an toàn thực phẩm...

* Trung tâm Y tế thị xã:

- Bổ sung thêm quỹ đất cho Trung tâm Y tế Nhu cầu đến năm 2030 cần 61.324m² với 200 giường bệnh và 23 phòng chức năng, công trình phụ trợ (có biểu mẫu cụ thể kèm theo)

- Xây dựng hoàn thành và sửa chữa các khu nhà hành chính, công trình phụ trợ và các khu vực phụ cận khác. Đồng thời tiến hành công tác cải tạo, nâng cấp khu nhà, phòng điều trị,... đã bị xuống cấp.

- Đầu tư trang thiết bị y tế cần thay thế bổ sung các máy móc hiện đại để chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng tốt hơn như: máy cắt lớp vi tính, máy xét nghiệm sinh thiết,... Đây sẽ là điều kiện thuận lợi để các đơn vị y tế hoạt động, phát triển khoa học - kỹ thuật, làm tốt hơn nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

* Trạm y tế xã, phường:

- Bổ sung thêm quỹ đất cho Trạm Y tế các xã, phường còn thiếu điểm trạm theo quy định tại NQ 1210 (≥ 5.000 người/Trạm) đã nêu cụ thể trên phần 1. Đặc biệt là Trạm Y tế phường Hoàng Đồng và Đồng Văn (có biểu mẫu kèm theo).

- Hoàn thiện công trình phụ trợ và các khu vực phụ trợ cho Trạm Y tế phường Hòa Mạc (biểu mẫu kèm theo). Xây dựng mới Trạm Y tế phường Hoàng Đông, Đồng Văn và tu sửa bổ sung thêm các phòng chức năng, hành chính công trình phụ trợ tại các Trạm Y tế xã, phường đang thiếu và có dấu hiệu xuống cấp (có biểu mẫu kèm theo).

- Đầu tư trang thiết bị cơ bản thông thường và giường bệnh cho trạm Y tế xã, phường đảm bảo phục vụ tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân tại địa phương.

2. Lộ trình thực hiện

a) Từ năm 2020-2025 (giai đoạn 1)

Ưu tiên xây dựng và sửa chữa các phòng học đảm bảo 100% các cơ sở giáo dục trên địa bàn đủ lớp học để số học sinh mỗi lớp không vượt quá quy định của từng cấp học. Đồng thời quan tâm xây dựng các phòng thiết bị, phòng học bộ môn đạt chuẩn; xây dựng cải tạo các công trình phụ trợ, khuôn viên nhà trường đảm bảo 100% các trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, xây dựng nhà ăn bán trú cho 9

trường Tiểu học tại các phường trên địa bàn đáp ứng mục tiêu của Đại hội Đảng bộ thị xã khóa XXIV.

- Xây mới và sửa chữa toàn bộ nhà vệ sinh đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định.
- Xây dựng mới Trạm Y tế phường Hoàng Đông, Đồng Văn và tu sửa bổ sung thêm các phòng chức năng, hành chính công trình phụ trợ tại các Trạm Y tế xã, phường đang thiếu và có dấu hiệu xuống cấp.

b) Từ năm 2025-2030 (giai đoạn 2):

- Thực hiện các mục tiêu còn lại, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giáo dục, y tế theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.
- Hoàn thiện các thủ tục để chia tách các trường Mầm non, Tiểu học còn lại có số lớp vượt quá quy định.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nhu cầu kinh phí:

Dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án khoảng 2131 tỷ đồng, trong đó kinh phí đầu tư cho Giáo dục khoảng 2081 tỷ đồng, Y tế khoảng 50 tỷ đồng

- Kinh phí đầu tư của thị xã: Khoảng 1967 tỷ đồng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các trường MN, TH, THCS, Trung tâm GDTX, Phòng GDĐT và 16 Trạm y tế của các xã, phường và Phòng Y tế thị xã.

- Kinh phí đầu tư của tỉnh khoảng: 164 tỷ đồng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho 3 trường THPT và Trung tâm Y tế thị xã.

2. Nguồn vốn

- Nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục, y tế.
- Nguồn hỗ trợ của UBND tỉnh Hà Nam.
- Nguồn vốn đầu tư phát triển.
- Nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn khác.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng Y tế thị xã

- Là cơ quan đầu mối tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật giáo dục, y tế trên địa bàn thị xã Duy Tiên, căn cứ nội dung Đề án được phê duyệt, tổ chức hướng dẫn, theo dõi và đôn đốc chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Đề án này.

- Phối hợp với UBND các phường, xã, phòng Tài nguyên-Môi trường thị xã rà soát xây dựng quỹ đất cho giáo dục và y tế đảm bảo quy mô phát triển đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

- Phối hợp Phòng Quản lý đô thị, phòng Tài chính-Kế hoạch, Ban quản lý dự án thị xã và các cơ quan khác có liên quan, UBND các phường, xã trên địa bàn hàng năm xây dựng kế hoạch, cơ chế, chính sách, phương án vốn cụ thể. Phối hợp với phòng Tài chính-Kế hoạch thị xã tham mưu chủ trương đầu tư; phối hợp với phòng Quản lý đô thị, Ban quản lý dự án trong quản lý thiết kế, quản lý chất lượng công trình xây dựng, đảm bảo các công trình được xây dựng đúng chuẩn, phục vụ có hiệu quả cho công tác dạy học, khám chữa bệnh. Phối hợp với các ngành đẩy mạnh công tác kêu gọi, xúc tiến đầu tư.

- Định kỳ hàng năm có sơ kết đánh giá báo cáo kết quả về UBND thị xã.

2. Phòng Tài chính-Kế hoạch thị xã

- Cân đối nguồn vốn ngân sách hàng năm để bố trí hợp lí, kịp thời cho các địa phương, các ngành để thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng công trình sau khi đưa vào sử dụng.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu chiến lược thu hút, huy động và sử dụng nguồn vốn đầu tư có hiệu quả.

3. Phòng Quản lý đô thị; Ban quản lý dự án thị xã

Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng y tế trong công tác quản lý quy hoạch, quản lý đầu tư và chất lượng công trình xây dựng đảm bảo các công trình được đầu tư xây dựng đúng theo chuẩn quy định.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã

Phối hợp với các địa phương tham mưu bố trí quỹ đất, đảm bảo đủ định mức tối thiểu cho các cơ sở giáo dục, y tế.

5. UBND các phường, xã

- Chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung của Đề án trên địa bàn theo quy định về phân công, phân cấp quản lý. Rà soát, hoàn thiện mạng lưới trường, lớp, cơ sở khám chữa bệnh theo quy hoạch đã được phê duyệt. Chủ động phân bổ nguồn vốn và tổ chức lồng ghép các nguồn vốn cho các công trình xây dựng thuộc địa phương quản lý.

- Phối hợp thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tạo sự đồng thuận trong xã hội để mọi người dân ủng hộ và chia sẻ trách nhiệm với Nhà nước trong đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng của địa phương.

6. Các cơ quan, ban, ngành có liên quan

Các cơ quan ban ngành có liên quan căn cứ vào Đề án này, trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án có hiệu quả.

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án nếu có vướng mắc, hoặc cần điều chỉnh bổ sung, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan gửi đề xuất về Ủy ban nhân dân thị xã (qua Văn phòng HĐND&UBND thị xã) để xem xét giải quyết./.